

Bản án số: 166/2018/HNGĐ

Ngày: 04/6/2018

“ *V/v Ly hôn* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến

2. Bà Nguyễn Thị Thảo

- *Thư ký phiên Tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn:* Ông Nguyễn Thanh Liêm- Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 142/2018/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018, về việc “ *Ly hôn* ”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19 /2018/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2018 giữa các đương sự:

*** *Nguyên đơn:*** Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1985 (có mặt)

Trú tại: số nhà 26 đường L, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định

*** *Bị đơn:*** Lê Nhật A, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Trú tại: số nhà 01 đường L, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh T trình bày:*** Chị và anh Lê Nhật A có thời gian tự tìm hiểu rồi tự nguyện đi đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2006 có đăng ký kết hôn tại UBND phường B. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà anh A, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân là do tính tình không hợp nên thường xuyên kình cãi, anh A đánh đập chị. Nhiều năm gần đây chị đã cố gắng chịu

đựng nhưng thấy anh Lê Nhật A không thay đổi mà cờ bạc, bạo lực gia đình, đập phá tài sản trong nhà. Chị bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở đã được 2 năm, chị không chung sống với anh A được nữa nên yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh A để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh A có 02 người con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 16/12/2008 và Lê Ngọc Bảo A1, sinh ngày 14/3/2014 hiện hai con đang sống với chị. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung. Chị không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa giải quyết.

Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

*** *Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai bị đơn anh Lê Nhật A trình bày:*** Thông nhất như chị Bùi Thị Thanh T trình bày về thời gian cưới, nơi đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà anh, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị T bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở đã được 2 năm, trong thời gian này vợ chồng vẫn còn chung sống với nhau. Cách đây 1 tuần anh yêu cầu T quay về nhà anh để sống nhưng T không chịu và nộp đơn ly hôn, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh đã nhiều lần năn nỉ T cho thêm 1 cơ hội để vợ chồng quay lại sống chung nhưng T không đồng ý. Nay T yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T có 02 người con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 16/12/2008 và Lê Ngọc Bảo A1, sinh ngày 14/3/2014 hiện hai con đang sống với chị T. Ly hôn anh đồng ý giao 02 con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng anh tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng/02 con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Vợ chồng không nợ nần ai, không ai nợ vợ chồng.

Ý kiến kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của vụ án từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến giải quyết vụ án: cuộc hôn nhân giữa chị T và anh A không hạnh phúc, đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh A. Giao 02 người con là Lê Bảo N và Lê Ngọc Bảo A1 cho chị T nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng nên ghi nhận. Chị T và anh A không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Bùi Thị Thanh T và anh Lê Nhật A trước khi xác lập quan hệ hôn nhân đã có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thị xã A, nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh A hợp pháp, là nền tảng của một gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, giữa chị T, anh A phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt. Theo chị T nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh A ham mê cờ bạc, bạo lực gia đình, chị đã bỏ qua nhiều lần nhưng

anh A vẫn không thay đổi. Do không chịu đựng được nữa nên chị dẫn con về nhà mẹ đẻ sống đến nay đã được 2 năm. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh An nên yêu cầu được ly hôn. Còn anh Lê Nhật A xác định vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh đã nhiều lần năn nỉ T cho thêm cơ hội để vợ chồng quay lại sống chung nhưng T không đồng ý. Nay T yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được vì anh A vắng mặt. Xét thấy tình cảm vợ chồng của chị T và anh A không còn, vợ chồng sống không có hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng thực sự đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị T và anh A đều đồng ý ly hôn nên công nhận sự thống nhất ly hôn của hai anh chị.

[2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh A có 02 người con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 16/12/2008 và Lê Ngọc Bảo A1, sinh ngày 14/3/2014. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N và cháu A1, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con còn anh A tại biên bản ghi lời khai cũng có ý kiến giao cháu N và A1 cho chị T nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con 2.000.000đ/tháng. Quá trình làm việc với cháu N thì nguyện vọng của cháu là muốn sống với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Lê Bảo N và cháu Lê Ngọc Bảo A1 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh A, là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Chị T, anh A không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thanh T phải chịu 300.000đ theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 232, Điều 264, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58 Luật hôn nhân gia đình năm 2014

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Thanh T và anh Lê Nhật A.

2. Về quan hệ con chung: Chị T, anh A có 02 người con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 16/12/2008 và Lê Ngọc Bảo A1, sinh ngày 14/3/2014; Giao cháu N và cháu A1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh A vì chị T không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, theo yêu cầu của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó Tòa án có thể quyết định mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Chị T, anh A không yêu cầu Tòa giải quyết, nên miễn xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Thanh T tự nguyện chịu 300.000đ trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 0008583 ngày 13/3/2018 của Chi cục thi hành án thị xã An Nhơn.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn nếu không đồng ý một phần hoặc toàn bộ Bản án có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn anh Lê Nhật A vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TX. An Nhơn;
- Chi cục THA TX. An Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Quang

